

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 04-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phượng.

Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 497/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn:

1/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ông Phạm Văn M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Minh T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông C, ông T1 có mặt; ông T, ông M, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ngô Văn C là nguyên đơn trình bày:

Ông C làm cò mua lúa cho ông T1, ông T1 là chủ mua lúa. Khoảng đầu tháng 3/2024 ÂL, ông C có liên hệ với ông T và ông M cũng là cò tại xã T để dẫn ông T1 lên xã T tìm nguồn mua lúa. Ông T và ông M có giới thiệu cho ông C mua lúa của ông D nên vào ngày 01/3/2024 ÂL, ông C có ký kết hợp đồng mua lúa với ông T và ông M với nội dung là ông C mua lúa của ông Nguyễn Công D với giá là 8.500 đồng/kg, số lượng 140 công, đưa trước số tiền cọc là 40.000.000 đồng, ngày 13/4/2024 ÂL cắt lúa và đến ngày 14/4/2024 ÂL sẽ nhận lúa. Ông T1 đã chuyển khoản cho ông T, ông M nhận tiền cọc để đưa lại cho chủ bán lúa là ông D.

Vào 09 giờ sáng ngày 14/4/2024 ÂL, ông C và ông T1 đem ghe đến cân lúa theo hợp đồng thì ông T và ông M đã bán lúa cho người khác. Ông C có gặp chủ ruộng là ông D để đòi lại số tiền cọc nhưng ông D cho biết đã trả tiền cọc lại cho ông T và ông M. Ông C đã nhiều lần yêu cầu ông T và ông M trả lại tiền cọc nhưng ông T và ông M cố tình tránh né và không chịu trả.

Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M phải có trách nhiệm trả lại số tiền là 40.000.000 đồng cho ông C.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Vào tháng 3/2024, ông có gặp ông C (tìm người mua lúa), sau đó dẫn ông C đi gặp ông M (tìm người bán lúa) để đến chỗ ông D, người có lúa bán. Sau khi hai bên thỏa thuận giá thống nhất 8.500 đồng/ ký, số lượng lúa mua là 150 công lúa, đặt cọc số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), số tiền này do ông T1 (người mua lúa) chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của ông T, sau đó ông T đưa số tiền 40.000.000 đồng tiền mặt cho ông M, ông M đã đưa lại cho ông D nhưng không có làm biên nhận. Ngay ngày 01/3/2024, ông C, ông T và ông M có ký hợp đồng mua lúa tươi – khô. Trước khi cắt lúa một ngày, ông T1 và ông C có đến tìm ông D thỏa thuận lại giá lúa. Ông D đồng ý bớt 200 đồng/ ký, ông T1 trả phải bớt 300 đồng/ ký, hai bên chưa thống nhất giá. Đến ngày hẹn bán lúa thì ông T1, ông C đến thì ông D đã bán lúa cho người khác. Nay tiền cọc ông đã giao cho ông D nên không đồng ý cùng với ông M liên đới trả cho ông C.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T1 trình bày: Ông T1 tìm ông C để đi các nơi tìm kiếm người bán lúa, sau khi ông C, ông T, ông M thỏa thuận giá lúa và thống nhất đặt cọc vào ngày 01/3/2024 thì ông đã chuyển tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản của ông T để mua lúa. Ngày hẹn lên mua lúa ông đã lên đúng hạn nhưng ông D đã bán lúa cho người khác. Nay căn cứ vào hợp đồng mua lúa tươi – khô ngày 01/3/2024 ông yêu cầu ông T và ông M phải trả số tiền 40.000.000 đồng cho ông C để ông C bàn giao cho ông.

Trong vụ án này, ông và ông C tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi thành vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Căn cước công dân (photo);
- 01 Hợp đồng mua lúa tươi – khô ngày 01/3/2024 (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ các đương sự thống nhất. Không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Ngô Văn C yêu cầu ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M phải trả liên đới trả cho ông C số tiền theo hợp đồng mua bán ngày 01/3/2024 là 40.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M, ông Nguyễn Công D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Ngô Văn C yêu cầu ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M liên đới trả số tiền mua lúa là 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn căn cứ vào thỏa thuận giao kết hợp đồng ngày 01/3/2024 đã đưa cho ông T và ông M số tiền 40.000.000 đồng để mua lúa, ông T thừa nhận việc ký hợp đồng mua bán, nhưng bên ông T và ông M không thực hiện hợp đồng, do đó yêu cầu của ông C là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Bị đơn ông T thừa nhận, ông cùng ông M có ký hợp đồng mua lúa với ông C đã nhận số tiền 40.000.000 đồng (do ông T1 chuyển khoản), tuy nhiên ông đã giao lại tiền cho ông M, ông M giao lại cho ông D nên ông không đồng ý yêu

cầu của ông C. Việc ông T giao lại tiền thì không có biên nhận hay có người chứng kiến. Do ông T, ông M đại diện ông D ký hợp đồng mua bán mà không thực hiện thì ông T, ông M phải có trách nhiệm trả lại số tiền 40.000.000 đồng cho ông C. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên đương sự là có thật và ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 40.000.000 đồng.

[6] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện về việc ông C yêu cầu ông T và ông M trả số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông M vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C. Buộc ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M liên đới trả cho ông C số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông T1 không yêu cầu ông C, giữa ông T1 và ông C tự thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Bị đơn là ông T cho rằng người có trách nhiệm trả nợ trong vụ án là ông M và ông D, nhưng ông không có yêu cầu ông M, ông D trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[9] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi cũng không yêu cầu về việc phạt cọc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C được chấp nhận nên ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn C.

Buộc ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Ông Ngô Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009083 ngày 01 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh

